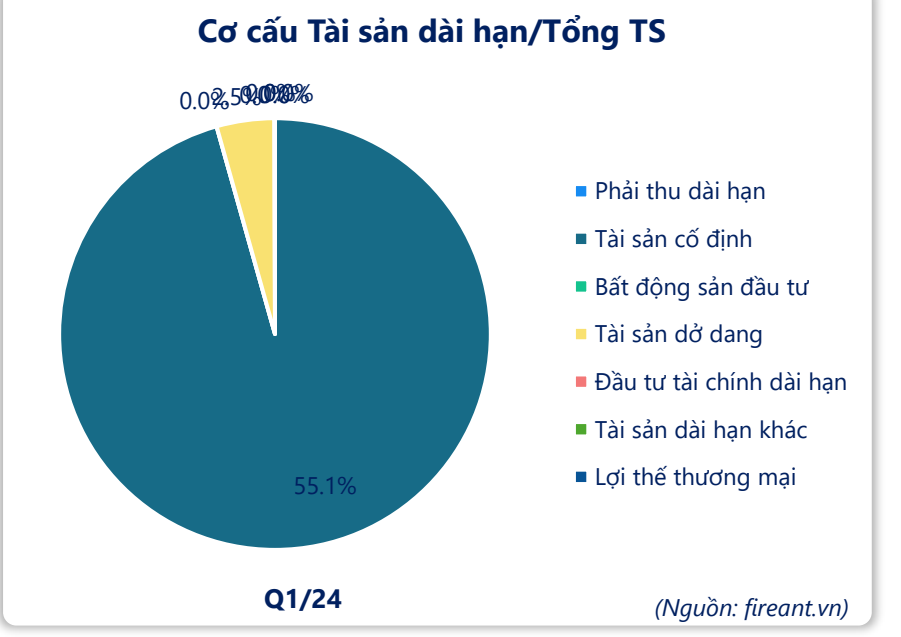
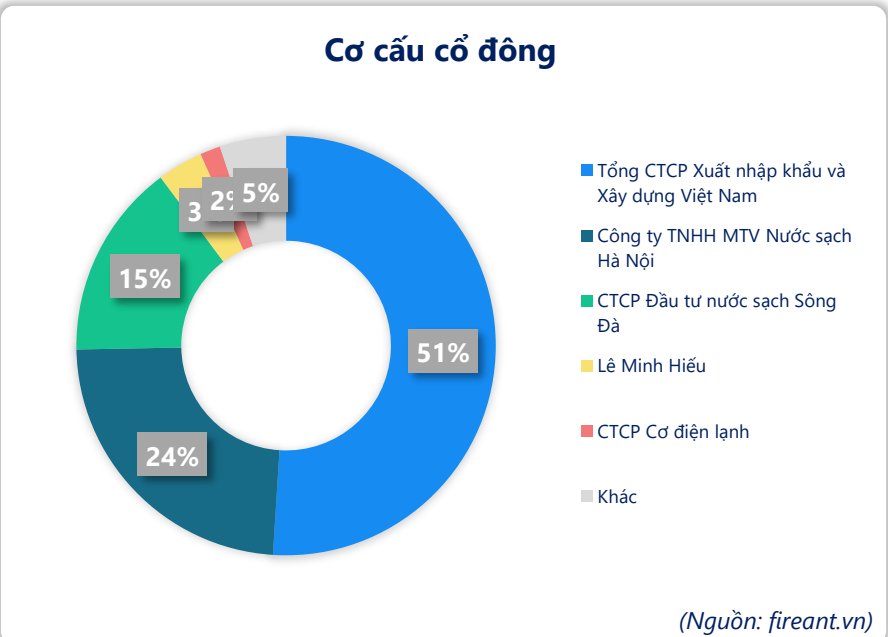
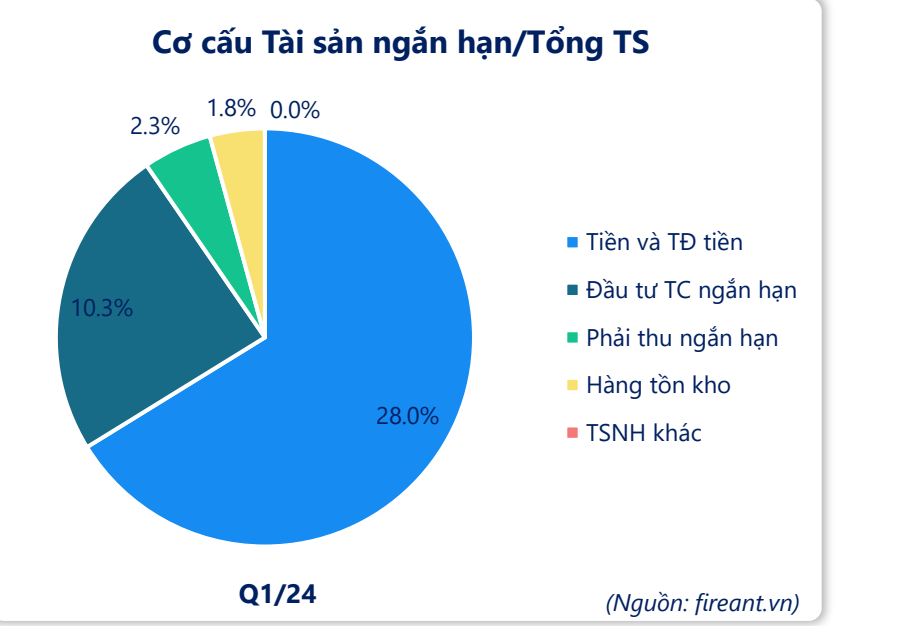
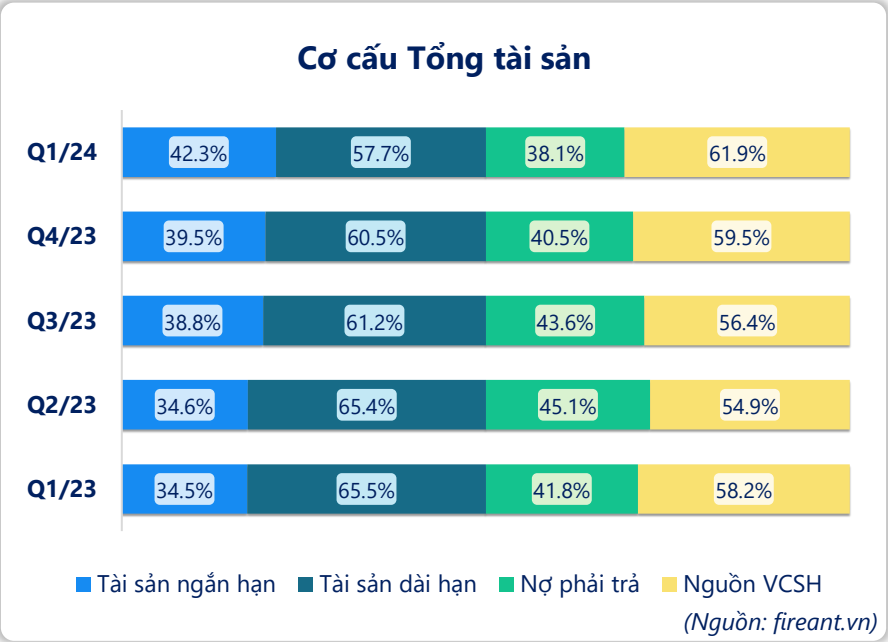
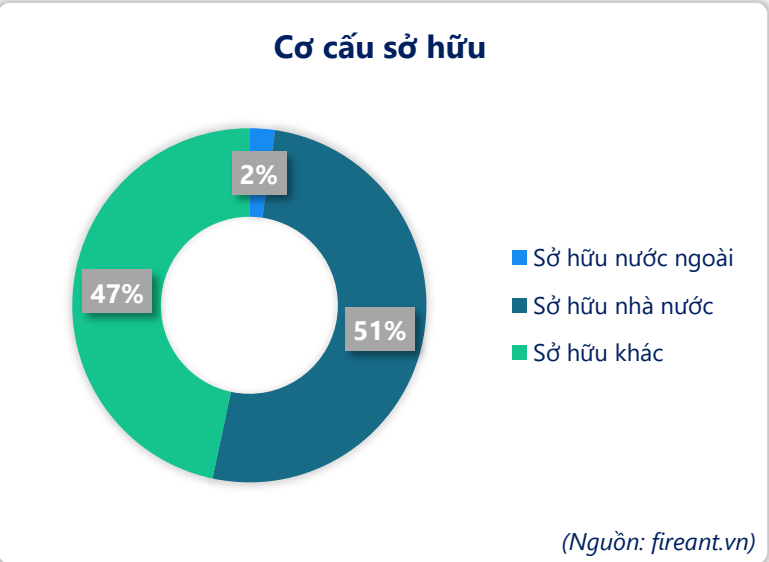
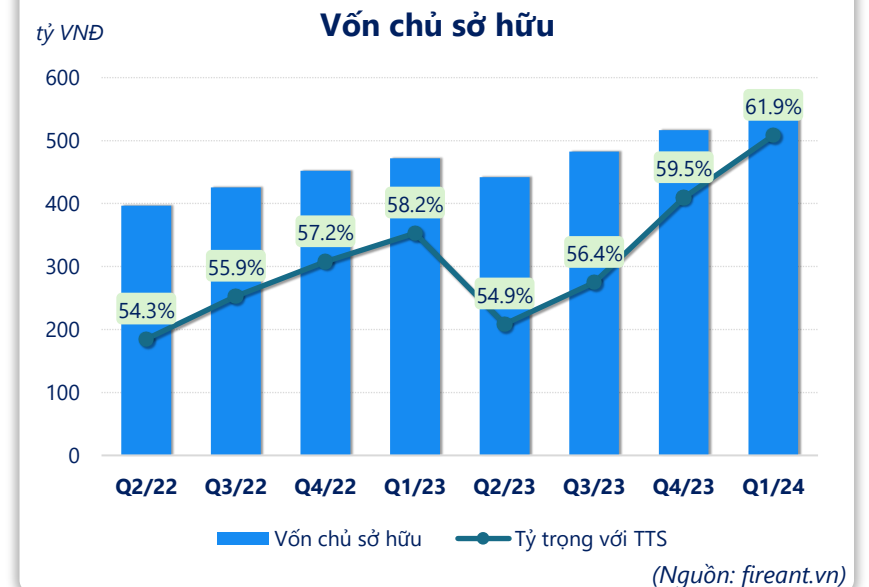
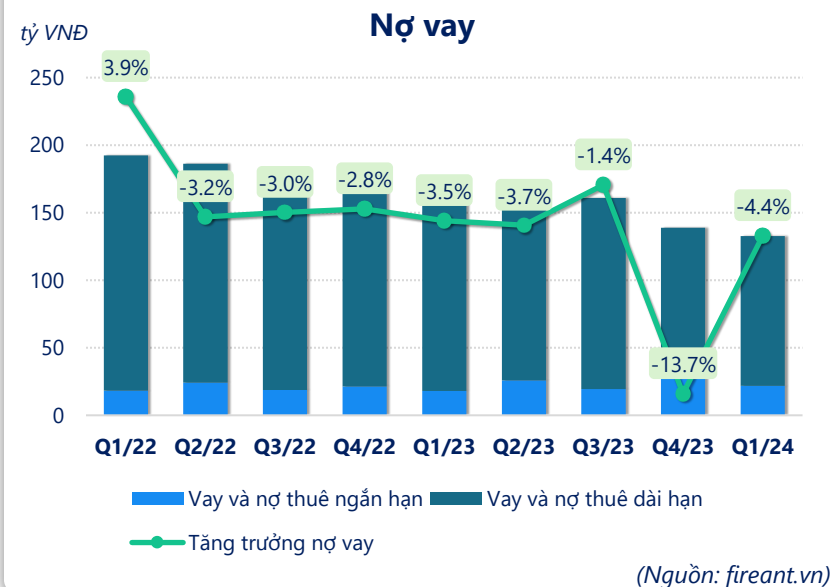
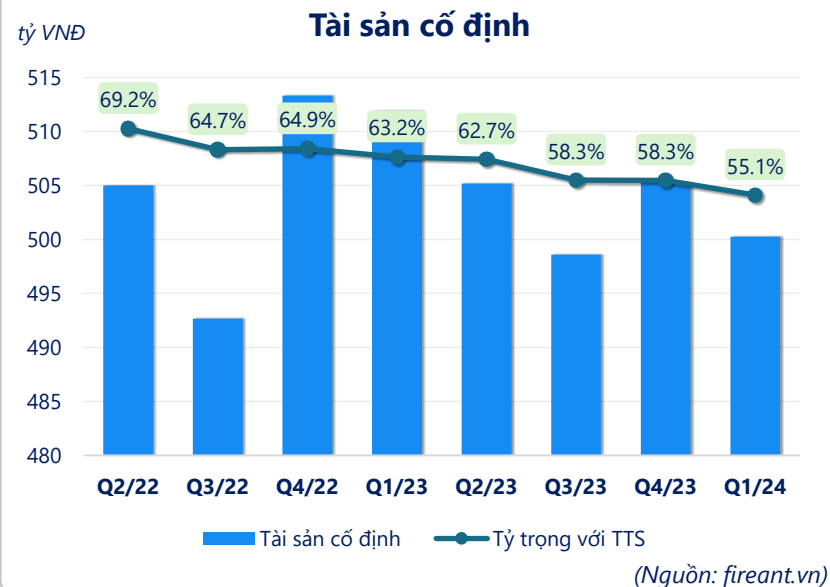
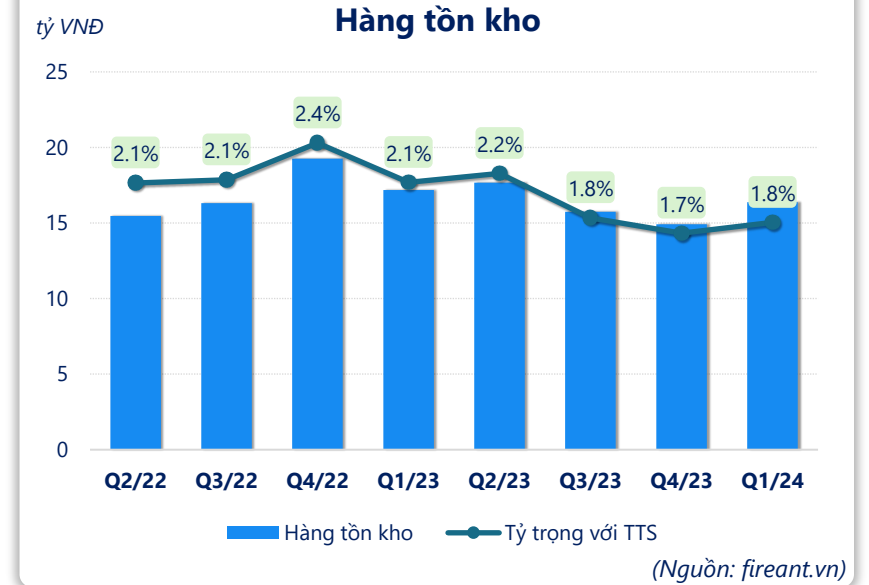
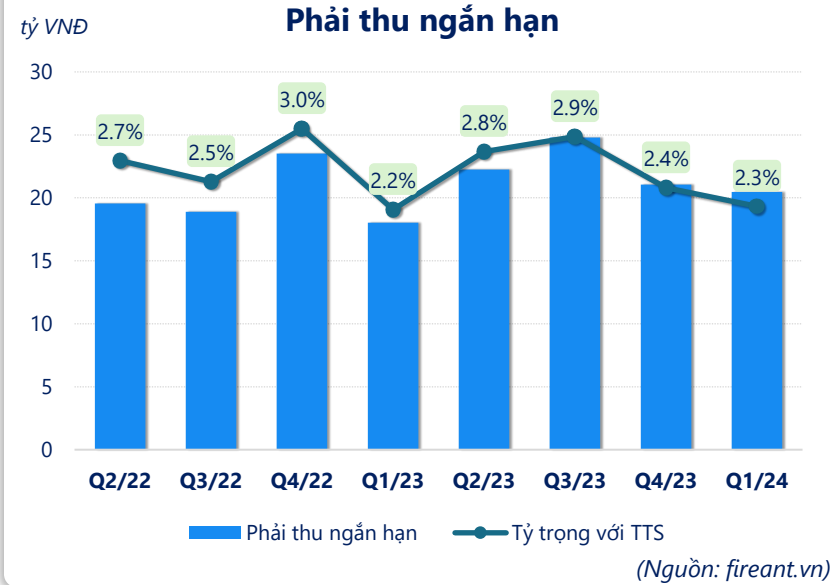
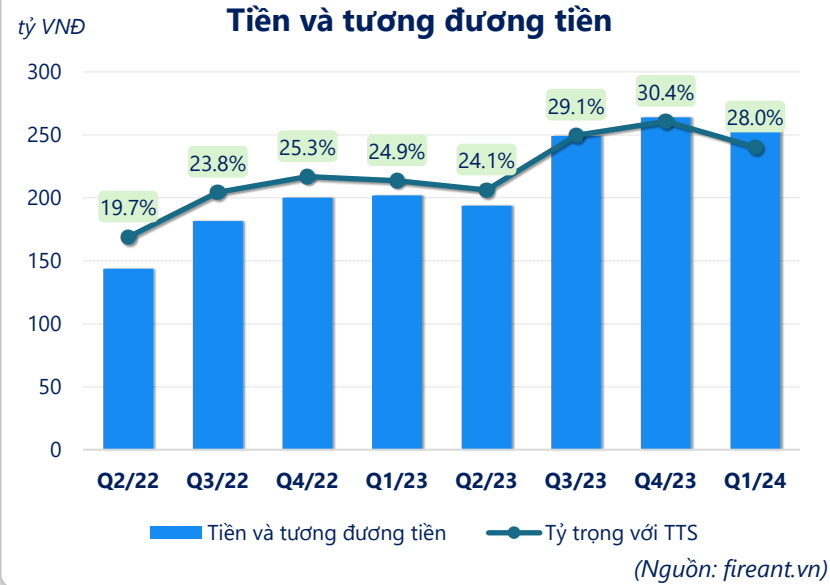
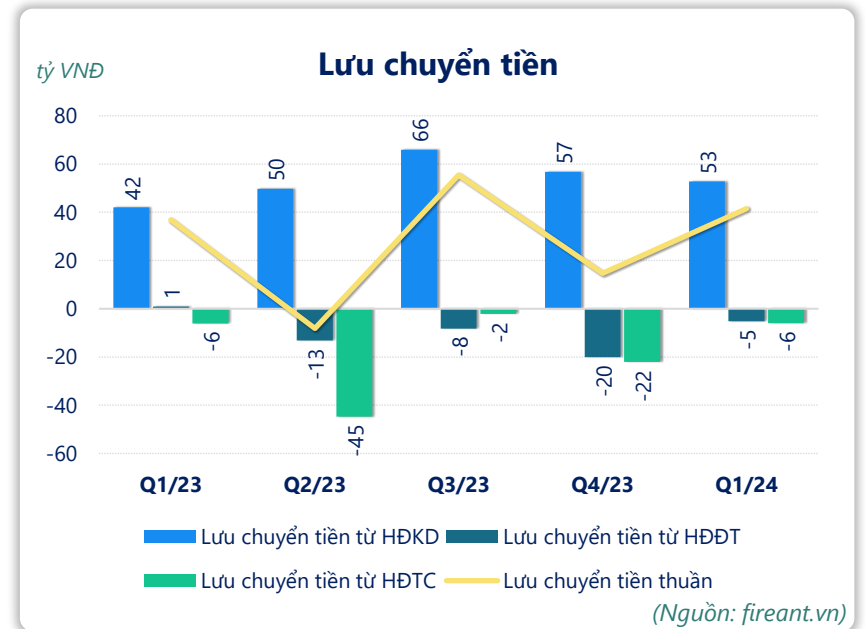
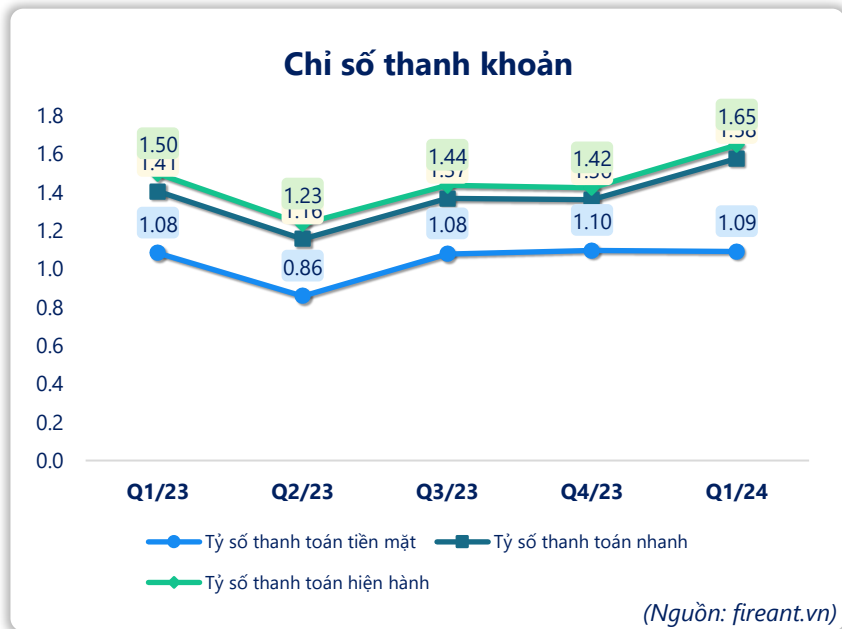
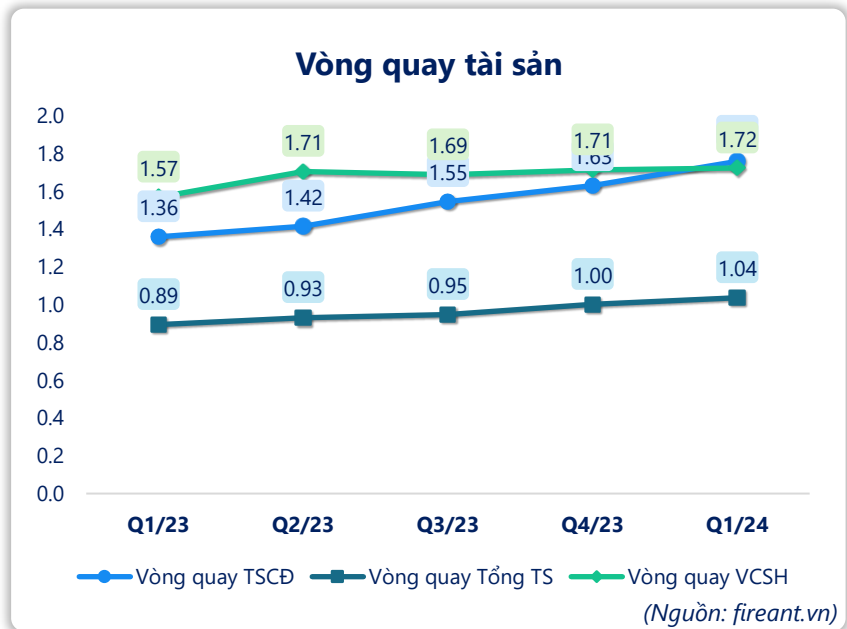
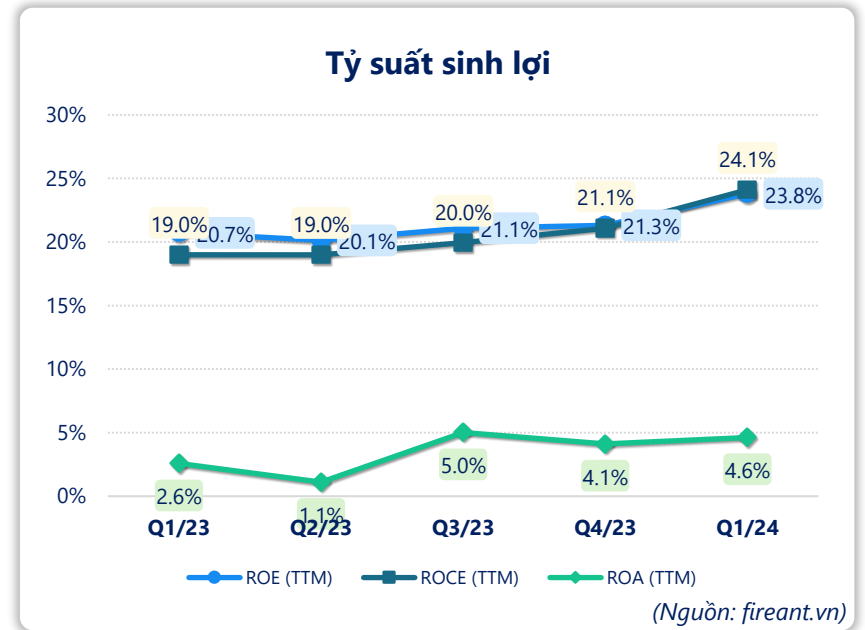
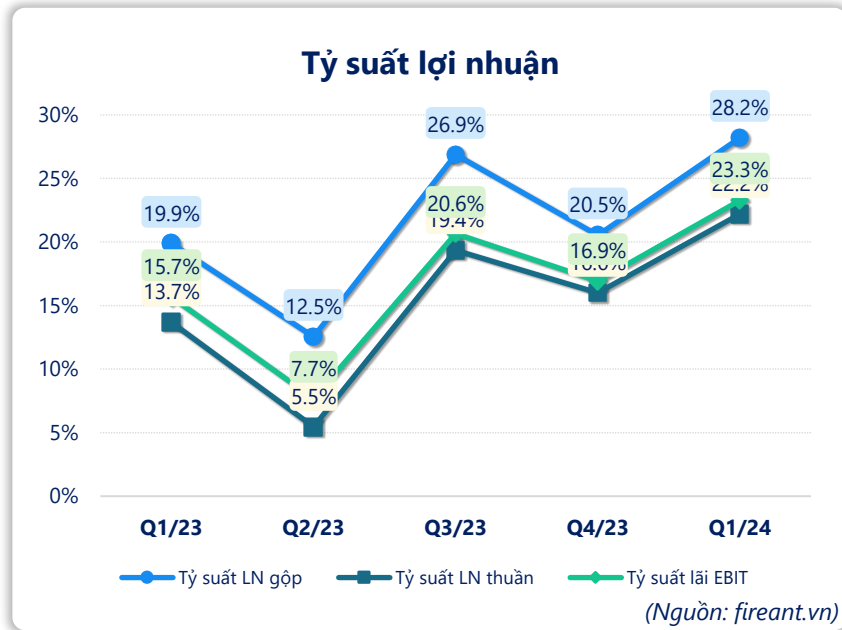
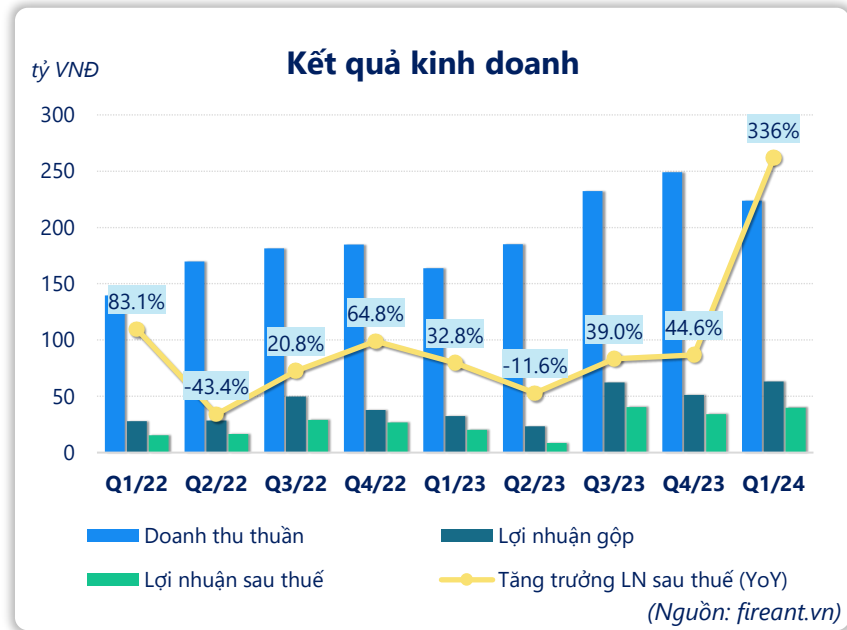


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		41,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,170
SL cổ phiếu LH		32,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,350
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,315
P/E		10.7
EPS		3,841

	YTD	1T	3T	6T
VAV	1.7%	10.2%	6.8%	35.2%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	907	873	4.0%
Tài sản ngắn hạn	384	348	10.3%
Tiền và tương đương tiền	254	213	19.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	20.5	27.1	-24.4%
Hàng tồn kho	16.4	14.9	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.64	-100%
Tài sản dài hạn	523	524	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	500	513	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.6	11.3	101%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.25	-25.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	346	351	-1.4%
Nợ ngắn hạn	233	238	-2.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	27.9	-21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	111	114	-2.9%
Nợ dài hạn	113	113	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	111	111	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	561	521	7.6%
Vốn chủ sở hữu	561	521	7.6%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	164	185	232	249	224
Giá vốn hàng bán	131	162	170	198	161
Lợi nhuận gộp	32.5	23.2	62.4	51.1	63.1
Doanh thu HĐTC	3.26	3.42	2.33	1.66	2.85
Chi phí TC	3.29	4.04	2.99	2.64	2.39
Chi phí lãi vay	3.29	4.04	2.99	2.64	2.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.91	6.15	12.3	4.22	9.57
Chi phí QLDN	3.17	6.33	4.50	6.05	4.32
LN thuần từ HĐKD	22.4	10.1	45.0	39.8	49.7
Lợi nhuận khác	-0.04	0.07	0.00	-0.33	0.02
LN trước thuế	22.4	10.2	45.0	39.5	49.7
Lợi nhuận sau thuế	20.1	8.51	40.5	34.2	39.8
LNST của CĐ cty mẹ	20.1	8.51	40.5	34.2	39.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.0	49.7	65.9	56.7	52.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.89	-13.1	-8.26	-20.0	-5.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.06	-44.7	-2.21	-22.1	-6.06
Tiền đầu kỳ	165	202	194	249	213
Lưu chuyển tiền thuần	36.9	-8.16	55.4	14.7	41.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	202	194	249	264	254

(Nguồn: fireant.vn)